

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ GẠO
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 50/2023/DS-ST
Ngày: 08-03-2023.
V/v tranh chấp “Hợp đồng mua bán tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Dung.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Phúc Viễn.

Ông Nguyễn Quốc Thuần.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Nguyễn Ái Quyên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 08 tháng 03 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 427/2022/TLST-DS ngày 29 tháng 11 năm 2022 về tranh chấp “Hợp đồng mua bán tài sản”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2023/QĐXX-ST ngày 31 tháng 01 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn:

- Ông Đỗ Hiếu L, sinh năm 1958;

Địa chỉ: ấp BN, xã BP, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang;

- Bà Đỗ Thị S, sinh năm 1957;

Địa chỉ: ấp TH, xã ATT, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang;

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Đỗ Hiếu L: Bà Đỗ Thị S, sinh năm 1957; Địa chỉ: ấp TH, xã ATT, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang (đại diện ủy quyền theo văn bản ngày 03/10/2022).

Bị đơn:

- Anh Nguyễn Kim L1, sinh năm 1976;

- Chị Nguyễn Thị Xuân L2, sinh năm 1977;

Cùng địa chỉ: ấp BH, xã BP, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang;

(có mặt bà S, anh L1; vắng mặt chị L2)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện đề ngày 10/10/2022 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Đỗ Hiếu L, bà Đỗ Thị S trình bày:

Anh L1 và chị L2 có tiền hành mua phân thuốc, trừ sâu và thức ăn nuôi gà từ cơ sở của gia đình tôi. Ngày 10/01/2020, ông L và anh L1, chị L2 tiến hành

chốt nợ thì anh L1, chị L2 còn nợ lại cơ sở của gia đình tôi số tiền 135.686.000 đồng. Từ lúc chốt nợ đến nay anh L1 và chị L2 không có trả tiền cho cơ sở chúng tôi mặc dù cơ sở tôi đã tiến hành đòi nợ nhiều lần. Nay tôi và ông L yêu cầu Tòa án buộc anh Nguyễn Kim L1 và chị Nguyễn Thị Xuân L2 liên đới trả cho ông L số tiền còn nợ là 135.686.000 đồng và tiền lãi với lãi suất 0,83%/tháng tính từ ngày 10/01/2020 đến ngày đưa vụ án ra xét xử.

* Bị đơn anh Nguyễn Kim L1 trình bày: Tôi và chị L2 là vợ chồng. Trong quá trình chung sống, vợ chồng tôi có mua phân thuốc trừ sâu và thức ăn chăn nuôi gà từ cơ sở của ông L, bà S. Ngày 10/01/2020, vợ chồng tôi có tiến hành chốt nợ với ông L, bà S, tổng số tiền hiện nay tôi và chị L2 còn nợ ông L, bà S là 135.686.000 đồng, khi chốt nợ có làm biên nhận, tôi và chị L2 có ký tên và ghi rõ họ tên vào biên nhận. Tôi và chị L2 đồng ý trả số tiền còn nợ là 135.686.000 đồng và tiền lãi với lãi suất 0,83%/tháng tính từ ngày 10/01/2020 đến ngày 11/01/2023: $135.686.000 \text{ đồng} \times 0,83\%/\text{tháng} \times 36 \text{ tháng} = 40.542.000 \text{ đồng}$.

* Bị đơn chị Nguyễn Thị Xuân L2: Trong suốt quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho chị L2 biết để tham gia theo quy định nhưng chị L2 vẫn không có mặt để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, cũng không cung cấp chứng cứ hoặc có ý kiến bằng văn bản.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà Đỗ Thị S vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu anh L1 và chị L2 trả cho ông L và bà S số tiền còn nợ là 135.686.000 đồng và tiền lãi 17 tháng với lãi suất 0,835/tháng: $135.686.000 \text{ đồng} \times 17 \text{ tháng} \times 0,835\%/\text{tháng} = 19.145.000 \text{ đồng}$. Bị đơn anh Nguyễn Kim L1 đồng ý trả cho ông L và bà S số tiền còn nợ là 135.686.000 đồng và tiền lãi 17 tháng với lãi suất 0,835/tháng: $135.686.000 \text{ đồng} \times 17 \text{ tháng} \times 0,835\%/\text{tháng} = 19.145.000 \text{ đồng}$.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về pháp luật tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án; Sự có mặt, vắng mặt đương sự:

Hội đồng xét thấy theo đơn khởi kiện của ông Đỗ Hiếu L và bà Đỗ Thị S thì ông L và bà S yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo giải quyết buộc anh L1 và chị L2 phải trả cho ông bà số tiền mua phân thuốc, thức ăn. Anh L1 và chị L2 hiện đăng ký tạm trú và sinh sống tại ấp BH, xã BP, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang. Do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo theo qui định tại Điều 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự và quan

hệ pháp luật tranh chấp là "hợp đồng mua bán tài sản" qui định tại Khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 430 của Bộ luật dân sự .

Bị đơn chị Nguyễn Thị Xuân L2 đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng chị L2 vẫn vắng mặt không lý do. Căn cứ các điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị L2.

[1.2] Về thời hạn, thời hiệu: Các đương sự không yêu cầu xem xét về thời hạn, thời hiệu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[2]. Về pháp luật nội dung:

[2.1] Về số tiền nợ:

Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện, ông L và bà S cung cấp bản chính Giấy xác nhận công nợ, có chữ ký của anh L1 và chị L2. Đồng thời trong quá trình giải quyết vụ án anh Nguyễn Kim L1 thừa nhận anh L1 và chị L2 có nợ ông L và bà S số tiền mua bán phân thuốc, thức ăn là 135.686.000 đồng. Đây là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự, nên Hội đồng xét xử đủ căn cứ xác định anh Nguyễn Kim L1 và chị Nguyễn Thị Xuân L2 có nợ ông L và bà S số tiền mua bán phân thuốc, thức ăn là 135.686.000 đồng.

Do đó cần buộc anh Nguyễn Kim L1 và chị Nguyễn Thị Xuân L2 có nghĩa vụ trả số tiền nợ là 135.686.000 đồng cho ông Đỗ Hiếu L và bà Đỗ Thị S.

[2.2] Về yêu cầu tính lãi:

Theo đơn khởi kiện ông Đỗ Hiếu L và bà Đỗ Thị S yêu cầu anh L1 và chị L2 trả tiền lãi với lãi suất 0,83%/tháng tính từ ngày 10/01/2020 đến ngày đưa vụ án ra xét xử (ngày 08/3/2023) là 37 tháng.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bà Đỗ Thị S là nguyên đơn và là đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Đỗ Hiếu L yêu cầu buộc anh L1 và chị L2 trả 17 tháng tiền lãi với lãi suất 0,83%/tháng của số tiền còn nợ 136.686.000 đồng: $17 \text{ tháng} \times 0,83\%/\text{tháng} \times 135.686.000 \text{ đồng} = 19.145.000 \text{ đồng}$. Đây là sự tự nguyện của nguyên đơn, không trái đạo đức xã hội và việc thay đổi yêu cầu không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu phù hợp với quy định tại Điều 71, Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Bị đơn anh Nguyễn Kim L1 đồng ý trả cho bà S và ông L 17 tháng tiền lãi với lãi suất 0,83%/tháng của số tiền còn nợ 136.686.000 đồng: $17 \text{ tháng} \times 0,83\%/\text{tháng} \times 135.686.000 \text{ đồng} = 19.145.000 \text{ đồng}$.

Do đó cần buộc anh Nguyễn Kim L1 và chị Nguyễn Thị Xuân L2 có nghĩa vụ trả số tiền lãi là 19.145.000 đồng cho ông Đỗ Hiếu L và bà Đỗ Thị S.

[2.3] Chị L2 vắng mặt và không đưa ra chứng cứ chứng minh nên phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Đỗ Hiếu L và bà Đỗ Thị S không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Nguyễn Kim L1 và chị Nguyễn Thị Xuân L2 phải chịu 7.741.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 92, Điều 184, Điều 264, Điều 266, Điều 267, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự

Căn cứ Điều 429, Điều 430, Điều 440 và Điều 468 Bộ luật dân sự.

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Hiếu L và bà Đỗ Thị S.

Buộc anh Nguyễn Kim L1 và chị Nguyễn Thị Xuân L2 có trách nhiệm trả cho ông Đỗ Hiếu L và bà Đỗ Thị S số tiền 154.831.000 đồng (Một trăm năm mươi bốn triệu tám trăm ba mươi một ngàn đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nếu người phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ theo nội dung quyết định này thì hàng tháng phải trả tiền lãi theo mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Anh Nguyễn Kim L1 và chị Nguyễn Thị Xuân L2 phải chịu 7.741.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm

3. Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Chợ Gạo;
- CCTHADS huyện Chợ Gạo;
- Các đương sự;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

- Lưu;

Nguyễn Thị Phương Dung